CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2024

CTCP Cao su Bến Thành

Ngày 31/12/2024	14,400 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	2.5%	**12.1%**	**10.1%**

DT thuần
Q4/24
118
tỷ VNĐ
QoQ: ▼6.00| -4.6%
YoY: ▲ 30.5| 35.2%

LN thuần
Q4/24
4.85
tỷ VNĐ
QoQ: ▼4.85| -50.0%
YoY: ▼1.66| -25.5%

LN sau thuế
Q4/24
4.02
tỷ VNĐ
QoQ: ▼3.73| -48.2%
YoY: ▼1.23| -23.5%

Tỷ suất lãi EBIT
2024
6.9%
YoY: +/-▼ 1.2%

ROE
2024
10.3%
YoY: +/-▲ 1.1%

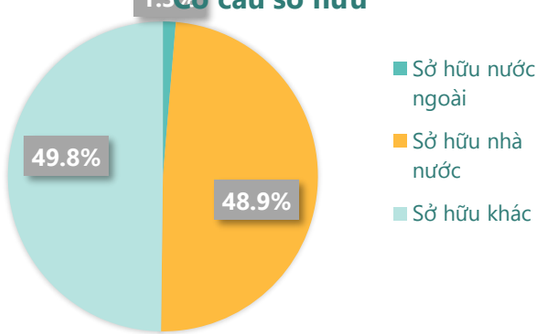
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	10,827 - 14,450
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	178
Số lượng CPLH (CP)	12,374,997
KLGD BQ 20 phiên (CP)	24,940
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	0.23
EPS	1,754
P/E	8.2

DT thuần
2024
419
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 87.0| 26.1%

LN thuần
2024
27.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.60| 10.7%

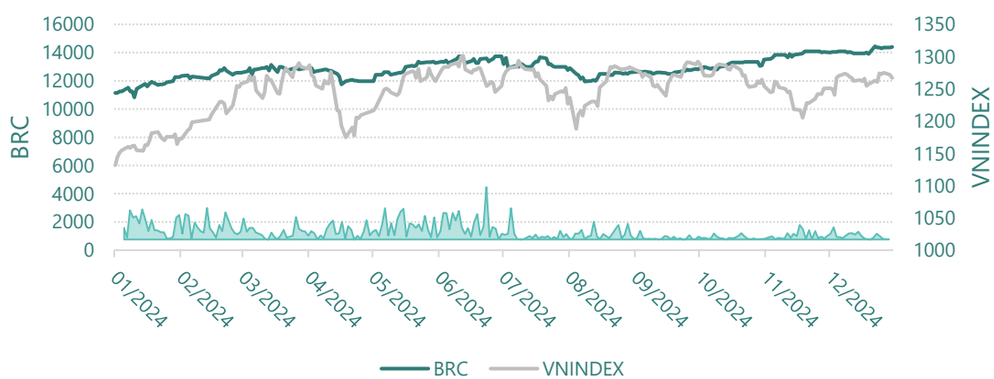
LN sau thuế
2024
21.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 2.40| 12.0%

Cơ cấu sở hữu

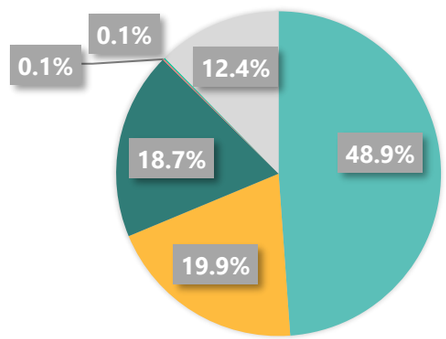


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

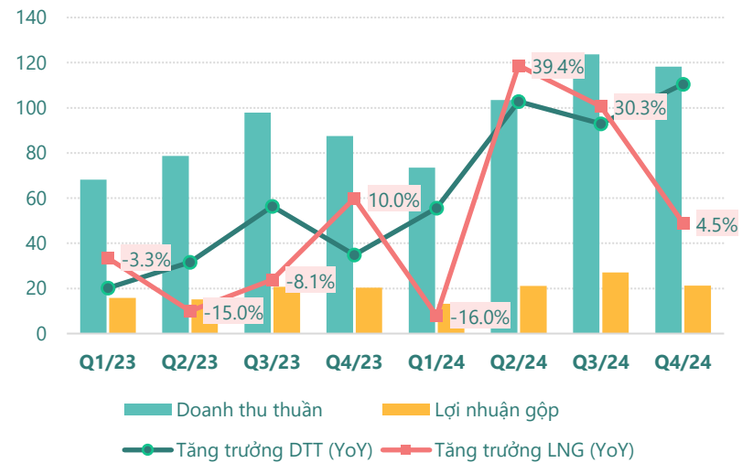


Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam
Tổng Công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV
CTCP Xi Măng Vicem Hà Tiên
Nguyễn Trần Nghiêm Vũ (Tổng giám đốc)
Huỳnh Thị Từ Ái
Khác

(Nguồn: fireant.vn)

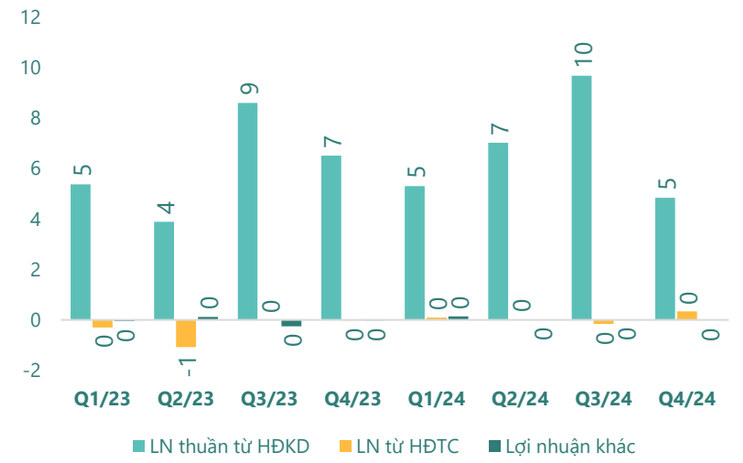
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



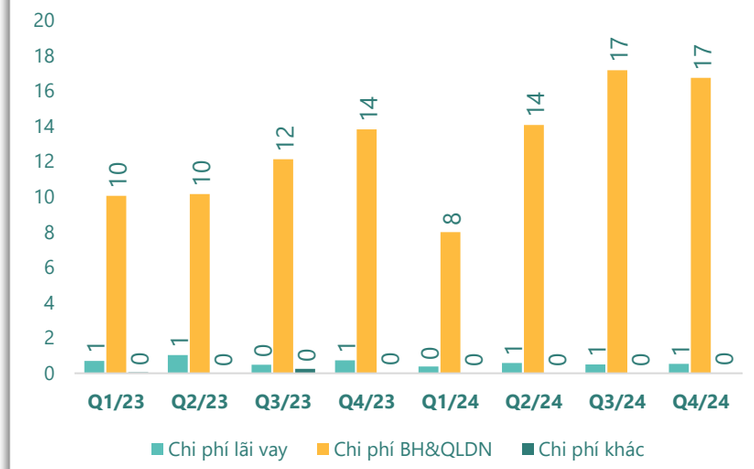
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



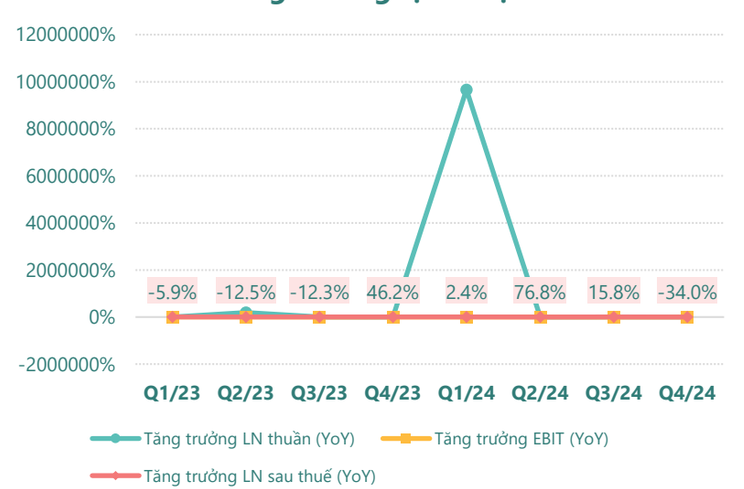
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



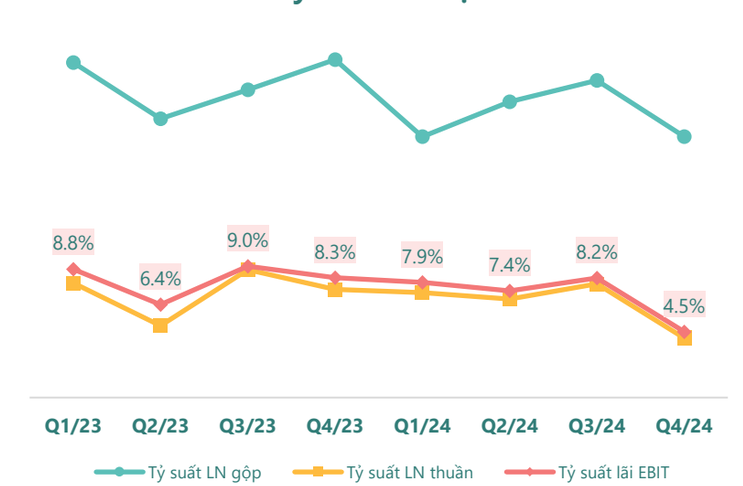
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



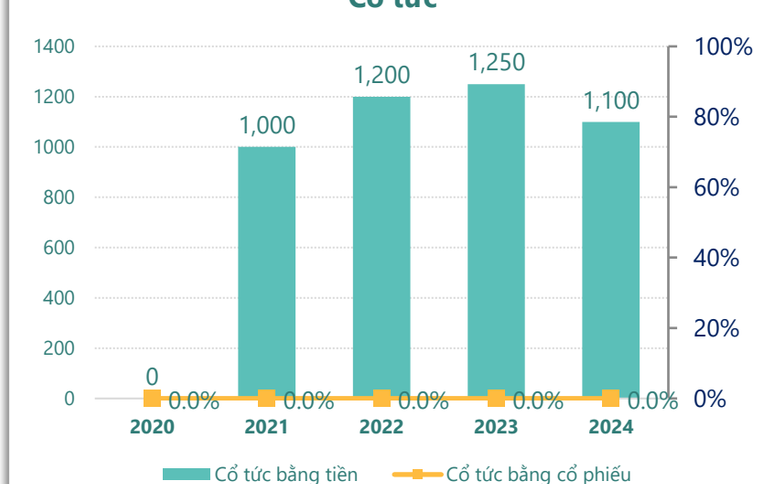
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

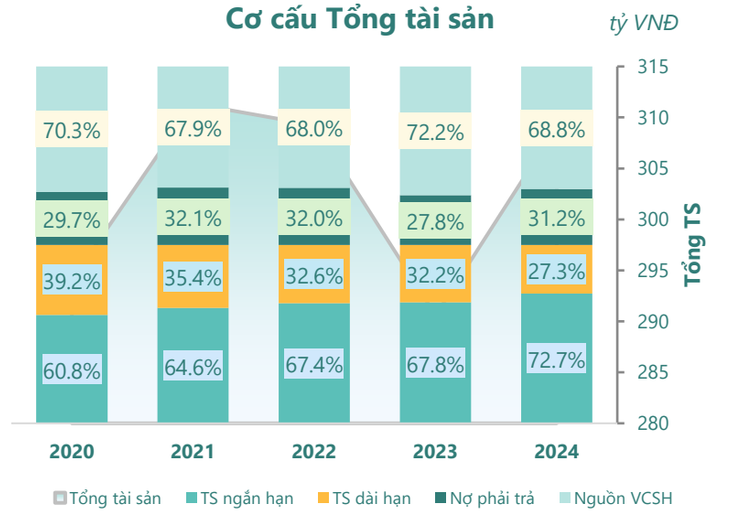
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

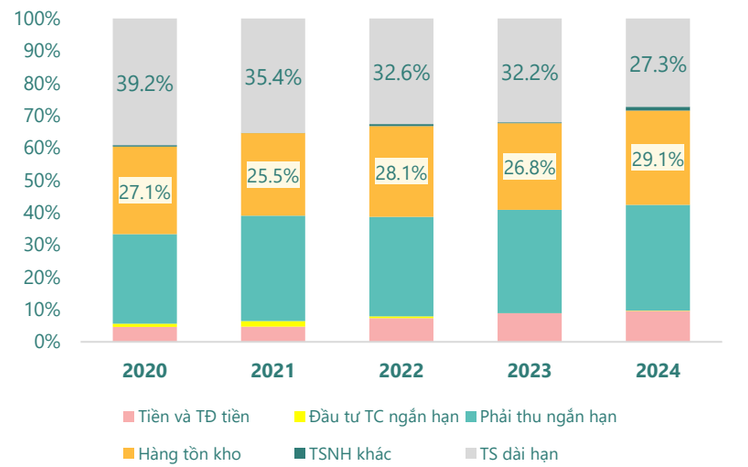
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



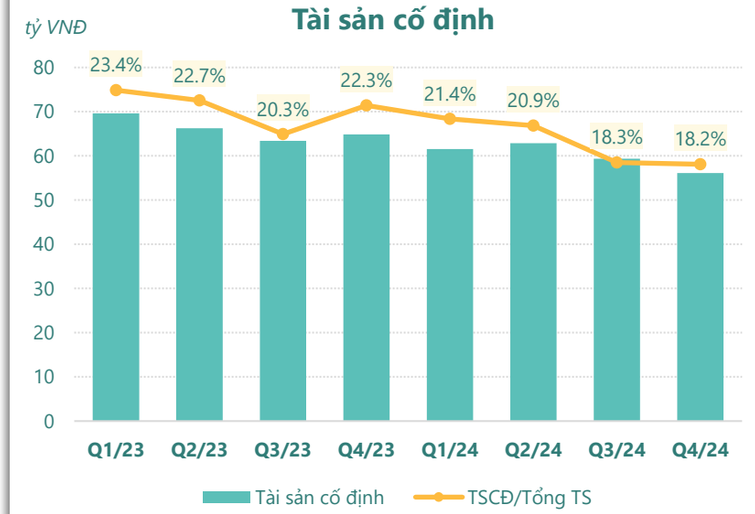
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



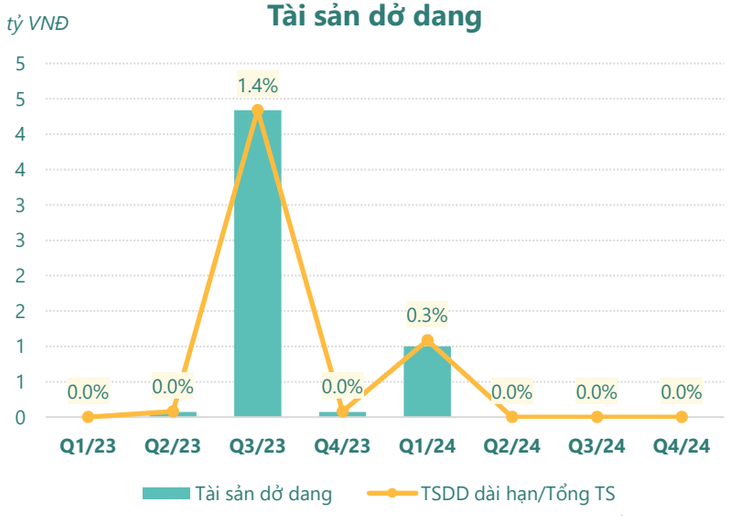
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



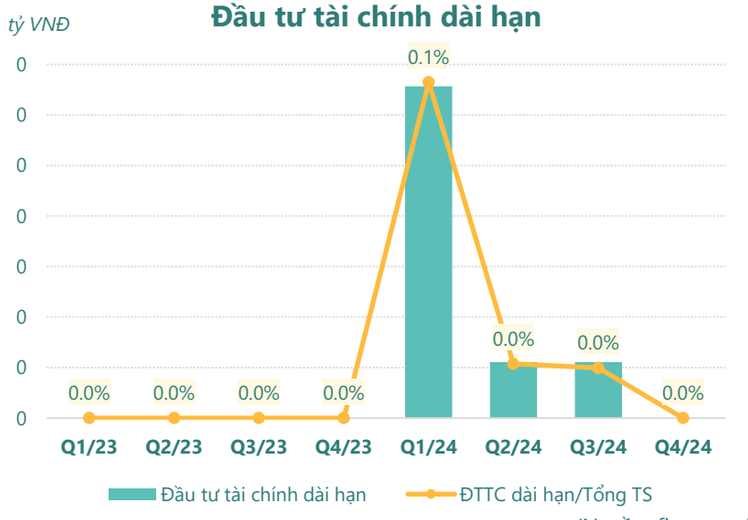
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



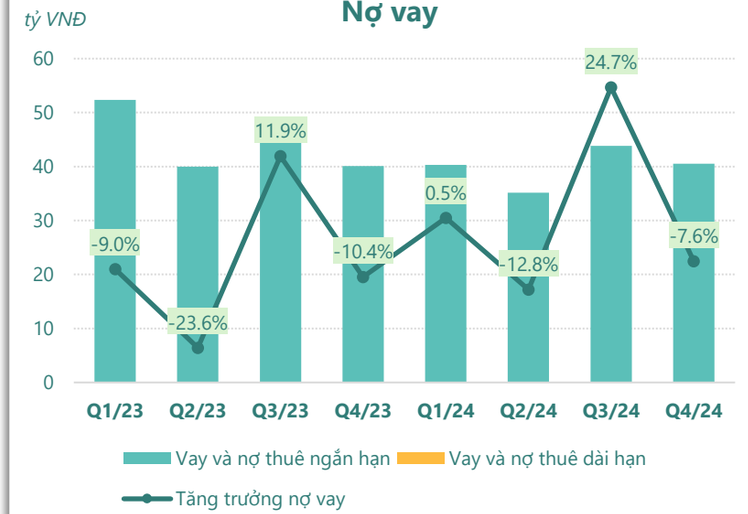
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

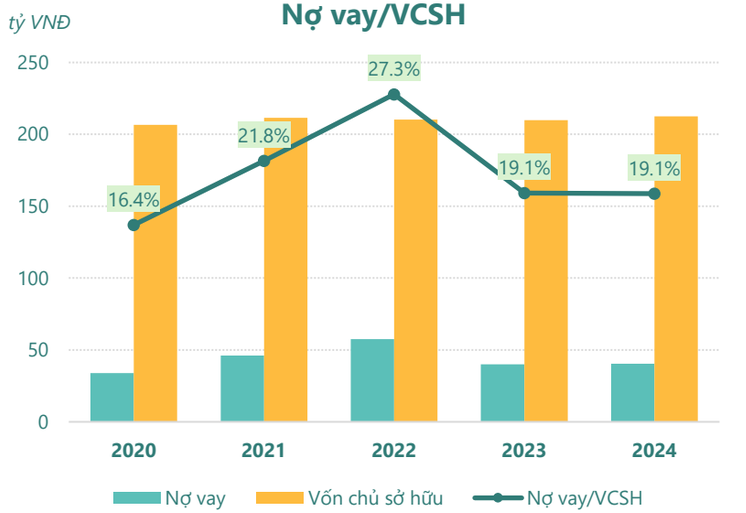
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

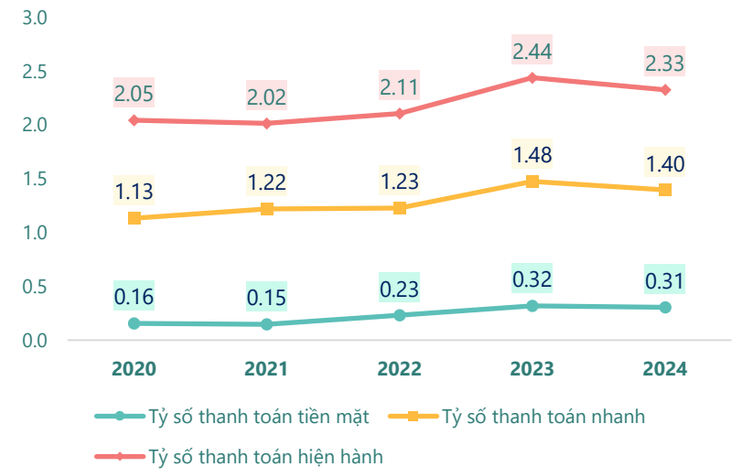
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



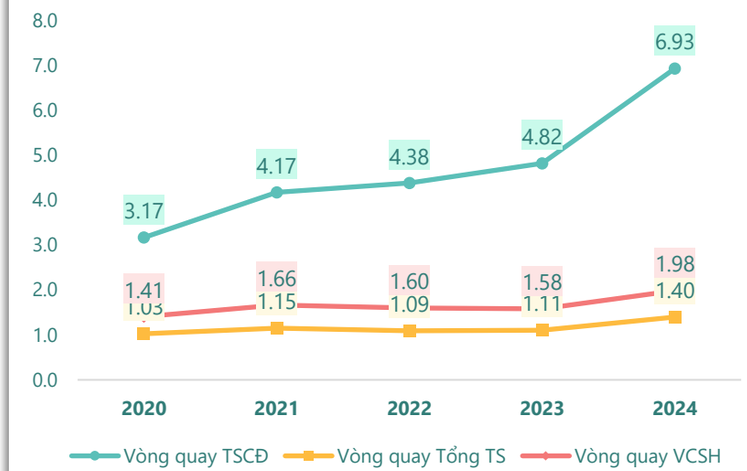
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



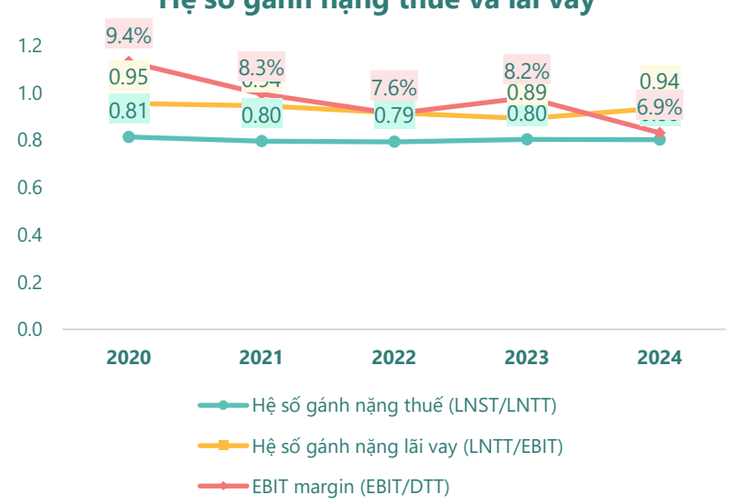
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



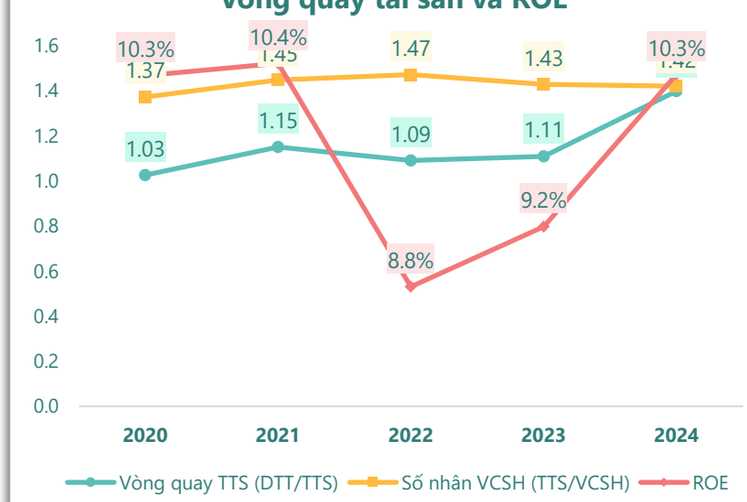
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



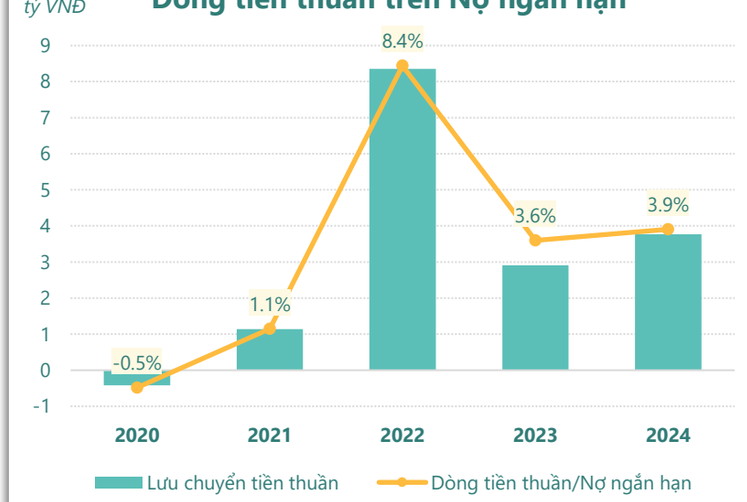
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q4/23	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**118**	**87.5**	**35.2%**	**419**	**332**	**26.1%**
Giá vốn hàng bán	97.0	67.1	44.6%	336	260	29.3%
Lợi nhuận gộp	21.3	20.4	4.3%	82.6	72.0	14.8%
Doanh thu HĐTC	0.95	0.91	4.7%	2.80	2.16	29.9%
Chi phí TC	0.62	0.94	-33.9%	2.40	3.56	-32.6%
Chi phí lãi vay	0.53	0.74	-28.1%	1.87	2.96	-36.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	12.6	9.13	37.6%	41.8	34.9	20.0%
Chi phí QLDN	**4.19**	**4.69**	**-10.6%**	**14.2**	**11.3**	**25.2%**
LN thuần từ HĐKD	4.85	6.51	-25.5%	27.0	24.4	10.7%
Lợi nhuận khác	**-0.01**	**-0.03**	**50.5%**	**0.12**	**-0.21**	**157%**
LN trước thuế	4.83	6.49	-25.5%	27.1	24.2	12.2%
Lợi nhuận sau thuế	**4.02**	**5.25**	**-23.5%**	**21.8**	**19.4**	**12.0%**
LNST của CĐ cty mẹ	**4.02**	**5.25**	**-23.5%**	**21.8**	**19.4**	**12.0%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ *(tỷ VNĐ)*	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	4.15	26.2	-9.80	5.61	3.17	23.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-4.06	-1.29	-1.08	-3.61	-0.32	-0.22
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.73	-16.0	0.16	-5.18	2.55	-10.7
Tiền đầu kỳ	15.6	16.4	25.8	15.0	11.8	17.2
Lưu chuyển tiền thuần	**0.82**	**8.89**	**-10.7**	**-3.18**	**5.40**	**12.4**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0.04	0	-0.10	0.00	0
Tiền cuối kỳ	16.4	25.3	15.0	11.8	17.2	29.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	**309**	**291**	**6.3%**
Tài sản ngắn hạn	225	197	13.9%
Tiền và tương đương tiền	29.5	25.8	14.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0.33	0.01	4117%
Phải thu ngắn hạn	101	92.9	9.0%
Hàng tồn kho	89.8	77.9	15.1%
Tài sản ngắn hạn khác	3.61	0.53	576%
Tài sản dài hạn	**84.4**	**93.4**	**-9.7%**
Phải thu dài hạn	0.05	0	
Tài sản cố định	56.1	64.9	-13.5%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0.27	-100%
Tài sản dài hạn khác	**28.2**	**28.3**	**-0.3%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	96.3	80.8	19.2%
Nợ ngắn hạn	**96.3**	**80.8**	**19.2%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	40.5	40.1	1.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	36.4	27.5	32.0%
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**213**	**210**	**1.3%**
Vốn chủ sở hữu	**213**	**210**	**1.3%**
Vốn điều lệ	124	124	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)